

Bản án số: 58/2021/HSST

Ngày: 28 - 10 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ H1 Nhường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Hải

Bà Nguyễn Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Mạnh Hùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái N tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2021/TLST-HS, ngày 04 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Chu Văn Đ**, sinh ngày 06/6/1966. Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 6, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 3/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chu Văn Đ1, con bà: Nguyễn Thị B. Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ ba; có vợ: Hoàng Thị T và có 04 con chung; Tiền sự: Không; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/6/2021 đến ngày 02/7/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Đặng Văn N**, sinh ngày 01/7/1984. Tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú và đăng ký HKTT: Tổ 6, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái N; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông: Đặng Văn T, sinh năm 1960, con bà: Bùi Thị C, sinh năm 1962; gia đình có 05 chị em, bị can là con thứ hai trong gia đình; có vợ: Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1986; có 03 con, lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015.

- Tiền án: Tại Bản án số 42/2020/HSST, ngày 29/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Bị cáo bị kết án về tội rất nghiêm trọng theo khoản 2, Điều 260 Bộ luật hình sự do vô ý, phạm tội trong thời gian thử thách.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/6/2021 đến ngày 02/7/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Phùng Văn Đ**, sinh ngày 16/8/1982. Tên gọi khác: Phùng văn C1.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phùng Văn S, con bà: Nguyễn Thị L; có vợ: Đặng Thị H và có 01 con chung; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/6/2021 đến ngày 02/7/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Trần Xuân H1**, sinh ngày 01/01/1985. Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm L, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Sán Chay; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Ngọc Lâm, con bà: Phạm Thị C2; có vợ: Hoàng Thị T2 và có 02 con chung; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/6/2021 đến ngày 02/7/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Nguyễn Thế H2**, sinh ngày 02/02/1978. Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 4, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn K, con bà: Hoàng Thị C3. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; có vợ: Trịnh Thị Hồng N1 và có 02 con chung; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/6/2021 đến ngày 02/7/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Đỗ Đức T1**, sinh ngày 20/6/1962. Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 4, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái N; nghề nghiệp: Làm chè; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Đức T3, con bà: Trương Thị T2. Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ tư; có vợ: Hoàng Thị T3 và có 02 con chung; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/6/2021 đến ngày 26/6/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Thành Q, sinh năm 1968/ có mặt.

Trú tại: Tổ 04, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái N.

Người chứng kiến:

1. Ông Vũ Đình C4, sinh năm 1958/ có mặt.

Trú tại: Tổ 4, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ 30 phút ngày 23/6/2021, tổ công tác Công an huyện Đ phối hợp cùng Công an thị trấn S phát hiện bắt quả tang tại nhà kho của ông Phạm Thành Q, sinh năm 1968 thuộc: tổ 4, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái N có Chu Văn Đ, Đặng Văn N, Phùng Văn Đ, Trần Xuân H1, Nguyễn Thế H2 và Đỗ Đức T1 đang đánh bạc bằng hình thức đánh “Liêng” được thua bằng tiền.

Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc gồm: Số tiền 9.850.000đ (Chín triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng), 52 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếu sợi nhựa dài 4m rộng 1,79m. Ngoài ra còn thu giữ tại ví để ở túi quần bên phải phía trước của N 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng); trong ví tại túi quần sau bên phải của T1 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng); tại túi quần trước bên phải của H2 1.930.000đ (Một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng); trong ví để ở túi quần sau bên trái của H1 1.010.000đ (Một triệu không trăm mười nghìn đồng) và trong ví để ở túi quần sau bên phải của Đ 10.000đ (Mười nghìn đồng).

Quá trình điều tra xác định được: Khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 23/6/2021, Đ đến nhà ông Q chơi và đợi xem đá bóng EURO. Lúc này tại nhà ông Q có Đ, T1, H1. Trong lúc ngồi uống nước thì Đ nói với ông Q “Cho anh em chơi vui, văn nghệ tý đợi đến giờ xem bóng đá”, ông Q trả lời: “Chơi tý đến bóng đá thôi nhé”. Sau đó, Đ gọi điện thoại cho N rủ đến nhà ông Q để đánh bạc, rồi Đ rủ Đ, T1, H1 vào nhà kho của ông Q để “Đánh bạc” bằng hình thức “Đánh liêng” được thua bằng tiền. Đ, T1 và H1 đồng ý. Sau đó, 04 người đi vào nhà kho của nhà ông Q để đánh bạc (khi đi Đ cầm theo 01 bộ bài tú lơ khơ do Đ mua trước đó). Tại nhà kho đã có 01 chiếc chiếu có sẵn từ trước. Cả nhóm ngồi đánh bạc đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày thì có H2 đến tham gia đánh bạc cùng. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 22 giờ 10 phút cùng ngày có thêm N đến tham gia đánh bạc cùng. Khi đánh bạc Đ mang theo số tiền khoảng 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) để tham gia đánh bạc, H2 mang theo số tiền khoảng 2.430.000đ (hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) trong đó H2 bỏ ra số tiền khoảng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để tham gia đánh bạc, H1 mang theo số tiền khoảng 1.860.000đ (một triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) trong đó H1 bỏ ra số tiền khoảng 850.000đ (tám trăm năm mươi nghìn đồng) để đánh bạc, N mang theo số tiền khoảng 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng) trong đó N bỏ ra số tiền khoảng 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để tham gia đánh bạc, Đ mang theo số tiền khoảng 1.710.000đ (một triệu bảy trăm mười nghìn đồng) trong đó Đ bỏ ra số tiền khoảng 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng) để tham gia đánh bạc, T1 mang theo số tiền khoảng 1.450.000đ (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) trong đó T1 bỏ ra số tiền khoảng 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) để tham gia đánh bạc. Hình thức đánh bạc được các đối tượng quy ước như sau: Sử dụng 52 quân bài tú lơ khơ, người chia bài chia cho mỗi người chơi 3 quân bài. Sau đó, mỗi người đặt cược 10.000đ (mười nghìn đồng) gọi là tiền gà. Khi xem bài, nếu bài đẹp thì các đối

tượng tiếp tục chơi, còn nếu bài xấu thì bỏ qua lượt và không đặt tiền nữa. Người nào tiếp tục chơi thì tổ mức tổ cao nhất là 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng), tổ không quá 3 vòng. Khi xem bài thì ai điểm cao nhất sẽ được thắng tiền của những người còn lại và tiền gà. Người được liêng (ba quân bài liên tiếp cùng chất) thì sẽ thắng tất cả tiền của những người còn lại và tiền gà không cần tính điểm. Người nào có bài sấp (tức là ba quân bài giống nhau nhau khác chất) thì sẽ thắng tiền đặt cược và không cần tính điểm. Khi bài không có sấp, liêng thì bắt đầu tính, lấy tổng điểm của ba quân bài chia cho mười, số dư sau khi chia sẽ là điểm của từng người. Các quân bài là số được tính tương ứng với số điểm. Quân A được tính là 1 điểm. Các quân 10, J, Q, K đều được tính là 0 điểm. Điểm sắp xếp từ cao xuống thấp là: 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2, 1, 0. Khi những người chơi bằng điểm sẽ so sánh đến chất theo thứ tự từ cao xuống thấp là: rô, cơ, tép, bích. Khi đánh bạc các đối tượng quy định nếu ván nào ai được liêng đồng hoa hoặc ai được sấp mọi người mất thêm 50.000đ. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện Đ phối hợp với Công an thị trấn S phát hiện bắt quả tang và thu giữ vật chứng như nêu trên.

Vật chứng vụ án gồm: Số tiền 15.000.000đ (Mười năm triệu đồng) trong đó số tiền 9.850.000đ (Chín triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam là số tiền các bị cáo dùng đánh bạc. Số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) thu giữ của N; Số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) thu giữ của T1; Số tiền 1.930.000đ (Một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) thu giữ của H2; Số tiền 1.010.000đ (Một triệu không trăm mười nghìn đồng) thu giữ của H1; Số tiền 10.000đ (Mười nghìn đồng) thu giữ của Đ; 52 quân bài tứ lơ khơ; 01 chiếu sợi nhựa dài 4m rộng 1,79m; 03 ví da màu đen; 01 ví da màu nâu; 01 điện thoại di động NOKIA 1280.

Bản Cáo trạng số 59/CT-VKSĐH ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo Chu Văn Đ, Đặng Văn N, Phùng Văn Đ, Trần Xuân H1, Nguyễn Thế H2 và Đỗ Đức T1 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ N quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Chu Văn Đ, Đặng Văn N, Phùng Văn Đ, Trần Xuân H1, Nguyễn Thế H2 và Đỗ Đức T1 phạm tội “Đánh bạc”.

- Về trách nhiệm hình sự, đề nghị:

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17, 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Chu Văn Đ, Phùng Văn Đ, Trần Xuân H1, Nguyễn Thế H2 và Đỗ Đức T1 mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10 đến 12 triệu đồng nộp ngân sách nhà nước.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt

bị cáo Đặng Văn N từ 06 đến 09 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 12 triệu đồng nộp ngân sách nhà nước.

Do bị cáo N phạm tội mới trong thời gian thử thách nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, khoản 5 Điều 65 BLHS tổng hợp hình phạt với bản án số 42/2020/HSST, ngày 29/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt Đặng Văn N **03** năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, buộc bị cáo Đặng Văn N phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

- Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 52 quân bài tứ lơ khơ; 01 chiếc sợi nhựa dài 4m rộng 1,79m; 03 ví da màu đen, 01 ví da màu nâu đã qua sử dụng; Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền **9.850.000 đồng** các bị cáo dùng để đánh bạc; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 đã qua sử dụng của bị cáo Chu Văn Đ; Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo N; Số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo T1; Số tiền 1.930.000đ (Một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo H2; Số tiền 1.010.000đ (Một triệu không trăm mười nghìn đồng) thu giữ của bị cáo H1; Số tiền 10.000đ (Mười nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Đ để đảm bảo thi hành án.

- Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, biên bản khám nghiệm hiện trường; lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 23/6/2021, tại nhà kho của ông Phạm Thành Q thuộc tổ 04, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái N, Chu Văn Đ, Đặng Văn N, Phùng Văn Đ, Trần Xuân H1, Nguyễn Thế H2 và Đỗ Đức T1 đang đánh bạc với hình thức đánh “Liêng” sát phạt nhau bằng tiền thì bị tổ công tác Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc số tiền 9.850.000đ (Chín triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) là số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và một số vật chứng liên quan.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” với tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Do đó, việc Viện kiểm sát truy tố để xét xử đối với các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 321 Bộ luật hình sự quy định như sau:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[2] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, Hội đồng xét xử xác định: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến kinh tế gia đình, là N nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Do đó, cần phải xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm cải tạo, giáo dục và đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Xét vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy rằng:

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy trong vụ án này, các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, thống nhất, phân công thực hiện hành vi phạm tội từ trước.

Về nhân thân, Hội đồng xét xử thấy bị cáo Đặng Văn N có nhân thân xấu do có một tiền án về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, các bị cáo còn lại có nhân thân tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều có thái độ ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, do đó các bị cáo được hưởng chung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Chu Văn Đ, Phùng Văn Đ, Trần Xuân H1, Nguyễn Thế H2 và Đỗ Đức T1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đặng Văn N có tiền án phải chịu tình 01 tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự là “*Tái phạm*”. Các bị cáo còn lại không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về hình phạt: Đối với bị cáo Đặng Văn N có tiền án, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và để răn đe, phòng ngừa chung. Căn cứ vào tính chất, mức độ tham gia vào việc phạm tội (bị cáo N tham gia đánh bạc sau cùng), tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo N, trong lượng hình, Hội đồng xét xử đã có xem xét giảm nhẹ phần nào mức hình phạt đối với bị cáo. Do bị cáo N

phạm tội mới trong thời gian thử thách, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, khoản 5 Điều 65 BLHS tổng hợp hình phạt với bản án số 42/2020/HSST, ngày 29/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt Đặng Văn N **03** năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, buộc bị cáo Đặng Văn N phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Đối với các bị cáo Chu Văn Đ, Phùng Văn Đ, Trần Xuân H1, Nguyễn Thế H2 và Đỗ Đức T1 đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết buộc các bị cáo này phải chấp hành hình phạt tù, mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách. Giao các bị cáo cho ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, qua đó cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm thu lời bất chính, vì vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự đối với bị các bị cáo.

[5]. Vật chứng của vụ án: Cẩn tịch thu tiêu hủy 52 quân bài tứ lơ khơ; Tịch thu tiêu hủy 01 chiếu sợi nhựa dài 4m rộng 1,79m do người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nhận lại; Tịch thu tiêu hủy 03 ví da màu đen và 01 ví da màu nâu đã qua sử dụng do các bị cáo không yêu cầu nhận lại; Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền **9.850.000 đồng** các bị cáo dùng để đánh bạc; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 đã qua sử dụng của bị cáo Chu Văn Đ; Số tiền các bị cáo không dùng vào việc đánh bạc cần trả lại cho các bị cáo nH2 tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành hình phạt bổ sung và án phí. Cụ thể tiếp tục tạm giữ số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo N; Số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo T1; Số tiền 1.930.000đ (Một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo H2; Số tiền 1.010.000đ (Một triệu không trăm mười nghìn đồng) thu giữ của bị cáo H1; Số tiền 10.000đ (Mười nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Đ để đảm bảo thi hành án.

[6]. Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt chính, hình phạt bổ sung đối với các bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo nên cần được chấp nhận.

[7]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Trong vụ án này ông Phạm Thành Q là chủ nhà nơi các bị cáo tham gia đánh bạc, nH2 ông Q không biết việc các bị cáo đánh bạc ăn tiền và không rủ rê, không thu lời từ việc các bị cáo đánh bạc nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Q là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Chu Văn Đ, Đặng Văn N, Phùng Văn Đ, Trần Xuân H1, Nguyễn Thế H2 và Đỗ Đức T1 phạm tội “Đánh bạc”.

[2]. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17, 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt **Chu Văn Đ 06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **12** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Phạt bổ sung bị cáo Chu Văn Đ 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Chu Văn Đ cho ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Đặng Văn N 06** (sáu) tháng tù.

Do bị cáo N phạm tội mới trong thời gian thử thách, áp dụng Điều 56, khoản 5 Điều 65 BLHS tổng hợp hình phạt với bản án số 42/2020/HSST, ngày 29/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt Đặng Văn N **03** năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, buộc bị cáo Đặng Văn N phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Đặng Văn N bị bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 23/6/2021 đến ngày 02/7/2021.

- Phạt bổ sung bị cáo Đặng Văn N 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

2.3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17, 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt **Phùng Văn Đ 06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Phạt bổ sung bị cáo Phùng Văn Đ 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Phùng Văn Đ cho ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Thái N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.4. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17, 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt **Trần Xuân H1 06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Phạt bổ sung bị cáo Trần Xuân H1 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Trần Xuân H1 cho ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Thái N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.5. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17, 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt **Nguyễn Thế H2 06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thế H2 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Thế H2 cho ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.6. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17, 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt **Đỗ Đức T1 06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Đức T1 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Đỗ Đức T1 cho ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3]. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 52 quân bài tứ lơ khơ; 01 chiếc sợi nhựa dài 4m rộng 1,79m; 03 ví da màu đen và 01 ví da màu nâu đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền **9.850.000 đồng** các bị cáo dùng để đánh bạc.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 đã qua sử dụng của bị cáo Chu Văn Đ.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo N; Số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo T1; Số tiền 1.930.000đ (Một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo H2; Số tiền 1.010.000đ (Một triệu không trăm mười nghìn đồng) thu giữ của bị

cáo H1; Số tiền 10.000đ (Mười nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Đ để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/10/2021 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra của Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

[4]. Án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Chu Văn Đ, Đặng Văn N, Phùng Văn Đ, Trần Xuân H1, Nguyễn Thế H2 và Đỗ Đức T1 mỗi bị cáo phải chịu **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

[5]. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Cơ quan THA hình sự- CA huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- VKSND tỉnh Thái N;
- TAND tỉnh Thái N;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái N;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Các bị cáo; NCQLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Hữu Nhường